SAO Y
Cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị
Thời gian: 10/12/2025 13:41:49

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 195/GPMT-UBND	*Quảng Trị, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện đa khoa khu vực Minh Hóa số 319/BVMH ngày 30 tháng 9 năm 2025; số 497/BVMH ngày 25 tháng 11 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 810/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện đa khoa khu vực Minh Hóa, địa chỉ tại tổ dân phố 7, xã Minh Hóa, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở "Bệnh viện đa khoa khu vực Minh Hóa" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Bệnh viện đa khoa khu vực Minh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố 7, xã Minh Hóa, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Quyết định thành lập số 273/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh về việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Trị

1.4. Mã số thuế: 3100488587

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám và chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích: 10.355,3 m^2.

- Cơ sở có tiêu chí nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất hoạt động: 202 giường bệnh

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện đa khoa khu vực Minh Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện đa khoa khu vực Minh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, UBND xã Minh Hóa và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Y tế;
- Sở Xây dựng;
- UBND xã Minh Hóa;
- Bệnh viện đa khoa khu vực Minh Hóa;
- VPUB: CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 195 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 02: Nước thải y tế

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước: Nước mặt khe nước tự nhiên cách Cơ sở khoảng 40m về phía Nam thuộc tổ dân phố 7, xã Minh Hóa, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Tại khe nước tự nhiên cách Cơ sở khoảng 40m về phía Nam Cơ sở thuộc TDP 7, xã Minh Hóa, tỉnh Quảng Trị. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106^0, múi chiếu 3^0): X(m) = 1968827; Y(m) = 496969.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150m^3/ngày; tương đương 6,25 m^3/giờ tính theo 24 giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột B, F≤2000) được dẫn theo đường ống UPVC D200 ra khe nước tự nhiên cách Cơ sở khoảng 40m về phía Nam thuộc tổ dân phố 7, xã Minh Hóa, tỉnh Quảng Trị. Sau đó khe này chảy về khe Quy Đạt cách cơ sở khoảng 350m về phía Đông. Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy, xả mặt và xả ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải.

Xả nước thải liên tục 24/24 giờ trong quá trình hoạt động.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40: 2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, F≤2000). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	

2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80	-
3	BOD_5	mg/l	≤ 60	
4	COD	mg/l	≤ 90	
5	Sunfua (S^{2-})	mg/l	≤ 0,5	
6	Amoni, tính theo N	mg/l	≤ 10	
7	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 40	
8	Tổng Phốt pho	mg/l	≤ 6,0	
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000	
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01):

+ Đối với nước thải xám: Được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở để xử lý.

+ Đối với nước thải đen: Được thu gom xử lý qua bể tự hoại, sau đó dẫn theo đường ống nhựa UPVC D200 tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở để xử lý. Cơ sở bố trí 20 bể tự hoại (15 bể thể tích10m^3/bể; 05 bể thể tích 5,0m^3/bể).

- Nước thải y tế (nguồn số 02):

+ Nước thải phát sinh từ thiết bị khử khuẩn (Hệ thống tiệt trùng hơi nước nhiệt độ cao Steridium SD 460): Được lọc qua bộ lọc, sau đó theo đường ống nhựa UPVC D90 về hệ thống nước thải tập trung của Cơ sở để xử lý.

+ Nước thải vệ sinh sàn nhà phát sinh từ khu vực thu gom, xử lý chất thải: Được thu gom theo đường ống nhựa UPVC D90 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở để xử lý.

+ Nước thải phát sinh trong quá trình vệ sinh các thiết bị lưu chứa chất thải: Được thu gom theo đường ống nhựa UPVC D90 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể yếm khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa → Môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 150 m^3/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B 70%, Men vi sinh.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 01/2027 đến tháng 7/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải được nêu tại mục 1.2 Phần B Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: Tại Bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải. Toạ độ theo hệ VN 2000, múi chiếu 3^0, kinh tuyến 106^0: X(m) = 1968933; Y(m) = 496997.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: Tại Hố ga nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Toạ độ theo hệ VN 2000, múi chiếu 3^0, kinh tuyến 106^0: X(m) = 1968940; Y(m) = 496998.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm chủ cơ sở phải giám sát chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng động dân cư xung quanh.

- Đảm bảo hệ thống thu gom thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của Cơ sở đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ Cơ sở phải dừng ngay các hoạt động và tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Minh Hóa và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử nước thải để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý khi gặp sự cố.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành đều được thu gom, xử lý đáp ứng quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom nước mưa chảy tràn khu vực cơ sở, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu, phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 195/GPMT-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Chú trọng công tác bảo dưỡng định kỳ thiết bị hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

2. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết; đồng thời tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

3. Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

4. Bố trí khu vực để xe xa khu vực khám, chữa bệnh nhằm giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến bệnh nhân.

5. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan; đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 195 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
I	**Chất thải nguy hại phát sinh tại Bệnh viện**		
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	3.139
2	Dược phẩm gây độc tế bào thải	13 01 03	6,3
3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thuỷ ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	3,5
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	16 01 06	4,3
II	**Chất thải nguy hại thu gom từ các cơ sở y tế trong cụm**		
5	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn	13 01 01	196
	Tổng cộng		**3.349,1**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	3
2	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	4,5
3	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	9
4	Các loại chất thải khác có thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	19 12 03	3
	Tổng khối lượng		**19,5**

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 40.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Trang bị các thùng HDPE màu vàng 20 lít và 120 lít tại các khoa, phòng để thu gom chất thải lây nhiễm phát sinh.

+ Trang bị các túi nilong màu đen để thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Trang bị các thùng HDPE màu vàng 240 lít và màu đen 120 lít đặt tại nhà kho để tiếp nhận và lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: 18m^2.

+ Kho lưu chứa chất thải được xây dựng bằng bê tông cốt thép, nền kho đổ bê tông, có mái che, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo đúng quy định.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Trang bị các thùng HDPE 20 lít, 120 lít tại các khoa, phòng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

+ Trang bị các thùng HDPE 240 lít tại kho để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế có diện tích 18m^2;

+ Diện tích Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 18m^2.

- Kho lưu chứa chất thải được xây dựng bằng bê tông cốt thép, nền đổ bê tông, có mái che, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo đúng quy định.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

- Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải lây nhiễm:

- Loại chất thải tự xử lý tại Bệnh viện:

Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	3.335

- Khối lượng chất thải lây nhiễm tự xử lý tại Bệnh viện khoảng 3.335 kg/năm, tương đương khoảng 9,1 kg/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý chất thải lây nhiễm của Bệnh viện:

Bệnh viện đã được trang cấp hệ thống xử lý chất thải lây nhiễm (Hệ thống tiệt trùng hơi nước nhiệt độ cao Steridium SD 460), như sau:

Chất thải y tế lây nhiễm → Hệ thống tiệt trùng hơi nước nhiệt độ cao Steridium SD 460 → Máy nghiền → Khu vực chứa chất thải sau xử lý của Bệnh viện → Vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Chất thải lây nhiễm sau khi khử khuẩn đảm bảo đạt QCVN 55:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị hấp chất thải y tế lây nhiễm (kể từ ngày 01/01/2029 áp dụng QCVN 55:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khử khuẩn nhiệt chất thải y tế lây nhiễm).

- Công suất thiết kế: Công suất xử lý 18 kg/mẻ/3,0 giờ.

- Ngoài ra, Bệnh viện có 02 bể cô lập chất thải, cụ thể như sau:

+ 01 bể cô lập chất thải sắc nhọn sau khi khử khuẩn với thể tích 3,0m^3/bể.

+ 01 bể kỵ khí cô lập chất thải giải phẫu thể tích 3,0m^3/bể để thu gom và tiêu hủy chất thải giải phẫu.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý đối với các loại chất thải nguy hại còn lại.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi

trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ THỰC HIỆN TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI

1. Bệnh viện đầu tư xây dựng thêm hạng mục "Khối nhà điều trị Sản, Ngoại, Liên khoa", diện tích 450m^2, quy mô 03 tầng.

Tổng diện tích sàn 1.350m^2.

2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công cải tạo, nâng cấp và xây dựng hạng mục đầu tư mới.

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh trong thi công xây dựng được thực hiện tại khu vực nhà vệ sinh hiện có của Cơ sở và thu gom xử lý chung với nước thải của Cơ sở hiện có.

+ Nước thải xây dựng: Lót đáy các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường; bố trí thiết bị phù hợp tại công trường thi công để rửa, vệ sinh dụng cụ và tận dụng lại cho việc bảo dưỡng công trình.

- Công trình, biện pháp xử lý bụi khí thải:

+ Tất cả máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển phải đạt các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

+ Lập kế hoạch thi công, lắp đặt và nhân lực hợp lý để tránh chồng chéo giữa các quy trình thực hiện.

+ Thường xuyên vệ sinh khu vực sân đường, khu tập kết nguyên vật liệu,...

+ Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

+ Có biện pháp che chắn khu vực xây dựng, che chắn các vị trí tập kết nguyên vật liệu, thực hiện phun ẩm nhằm hạn chế bụi trong quá trình thi công xây dựng phát tán ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

+ Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải:

+ Chất thải sinh hoạt: Hàng ngày thu gom vào thùng rác HDPE 120 lít rồi chuyển về khu vực tập trung rác thải sinh hoạt của Cơ sở hiện có để đơn vị thu gom đến vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Chất thải xây dựng: Chất thải rắn trong giai đoạn thi công sẽ được tập trung tại nơi quy định, phần chất thải có khả năng tái chế được chuyển cho các đơn vị thu mua phế liệu; loại không tái chế được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Chất thải nguy hại thu gom vào thùng HDPE 50 lít, định kỳ thu gom về lưu giữ tại kho CTNH của Cơ sở để xử lý cùng chất thải nguy hại của Cơ sở theo đúng quy định.

+ Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thực hiện thu gom, quản lý các loại chất thải trong quá trình xây dựng đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Tất cả máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển phải đạt các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

+ Định kỳ kiểm tra, bão dưỡng hệ thống thiết bị máy móc thi công; kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu trơn định kỳ nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung.

+ Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

+ Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.

3. Nước thải được quản lý để tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Thường xuyên kiểm tra và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng hạn chế phát sinh khí thải; trong quá trình sử dụng máy phát điện dự phòng phải đảm bảo thông thoáng khí, tránh ô nhiễm khí thải cục bộ ảnh hưởng đến nhân viên vận hành.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và các quy định liên quan.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, 3 và 4 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ công trình bảo vệ môi trường do Chủ cơ sở cung cấp; Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này).